

Án số **10/2019/HSST**
Ngày **18/4/2019**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đỗ Khánh Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Ràng**

Bà **Nguyễn Thị Hoa**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Hà Tuyên** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa:

Bà **Lê Thị Bích Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 18/4/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2019/HSST ngày 29/3/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HS ngày 04/4/2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị Ngọc T**, sinh năm 1969 tại thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần R – sinh năm 1938 và bà Trần Thị C – sinh năm 1942; có chồng: Nguyễn Văn T – sinh năm 1969 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án: Ngày 02/8/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã N, Tỉnh Khánh Hòa xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, theo bản án hình sự sơ thẩm số 81/2016/HSST. Chấp hành xong thời gian thử thách của án treo ngày 02/02/2018; tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà **Phạm Thị Tùng U** – sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông **Nguyễn Văn T** – sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 26/12/2018, Trần Thị Ngọc T điều khiển xe mô tô biển số 79H1-028.74 của gia đình đến Cửa hàng phân thuốc và hạt giống của bà Phạm Thị Tùng U tại thôn T, xã N, thị xã N để mua hàng. Trong khi giao dịch, T phát hiện bà U để tiền trong ngăn tủ bàn gỗ nhưng không đóng khóa nên nảy sinh ý định lấy trộm. Sau khi mua hàng xong, T đi được một đoạn rồi quay lại quan sát thấy cửa hàng không có người nên lén lút vào mở tủ lấy 5.700.000 đồng của bà U rồi đem về nhà cất giấu, sau đó thì bị phát hiện.

Bản cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 27/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đã truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Thủy tù 15 tháng đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường. Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không xem xét.

Về vật chứng: Đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, do đó, đề nghị không xem xét.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với vị đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ và việc họ vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo, do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt họ.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi bị cáo đã thực hiện đúng với nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 26/12/2018, trong khi giao dịch mua hàng tại Cửa hàng phân thuốc và hạt giống của bà Phạm Thị Tùng U tại thôn T, xã N, thị xã N, phát hiện bà U để tiền trong ngăn tủ bàn gỗ nhưng không đóng khóa nên bị cáo đã lén lút lấy trộm 5.700.000 đồng của bà U rồi đem về nhà cất giấu, sau đó thì bị phát hiện.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy:

Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được công bố tại phiên tòa và các chứng cứ, tài liệu khác thu thập

được có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Do đó, Bản cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 27/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đã truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng tội.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm sở hữu của công dân, gây mất trật tự, trị an địa phương. Bị cáo có 01 tiền án, chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội. Do đó, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015; sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, bồi thường thiệt hại. Vì vậy, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo. Áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, bị hại có đơn xin bãi nại giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo. Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cần chấp nhận.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Ninh Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường. Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án: Đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu nên không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 136, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Thị Ngọc T 01 (một) năm tù** về tội “Trộm cắp tài sản”.
thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường. Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Dương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Cơ quan điều tra Công an thị xã Ninh Hòa;
- Nhà tạm giữ Công an thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: Ấn văn, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Khánh Hà

